

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN TÂN BÌNH
(Ban hành kèm Quyết định số: 144 /2007/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2007
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	5,000
2	ẬU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		7,000
3	BA GIA	TRỌN ĐƯỜNG		4,000
4	BA VÂN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ẬU CƠ	4,800
5	BA VÌ	THĂNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	4,800
6	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	5,800
7	BẠCH ĐẰNG 1	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ -BẠCH ĐẰNG 2	5,000
8	BẠCH ĐẰNG 2	NGÃ 3 HỒNG HÀ	CUỐI ĐƯỜNG	7,000
9	BÀNH VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4,800
10	BÀU BÀNG	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	5,000
11	BÀU CÁT	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	7,000
		ĐÔNG ĐEN	VÕ THÀNH TRANG	6,000
12	BC1	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BÀU CÁT	4,800
13	BC2	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BÀU CÁT	4,800
14	BC3	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BÀU CÁT	4,800
15	BC4	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐÔNG ĐEN	4,800
16	BC5	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	4,800
17	BC6	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	4,800
18	BC7	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	4,800
19	BC9	ẬU CƠ	ĐÔNG ĐEN	4,800
		ĐÔNG ĐEN	HỒNG LẠC	4,000
20	BẾ VĂN ĐÀN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐÔNG ĐEN	4,800
21	BẾN CÁT	ĐƯỜNG PHÚ HOÀ	NGHĨA PHÁT	4,000
22	BÌNH GIÃ	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	6,000
23	BÙI THỊ XUÂN	HOÀNG VĂN THỤ	KÊNH NHIỀU LỘC	6,000
24	CA VĂN THỈNH	VÕ THÀNH TRANG	ĐÔNG ĐEN	4,800
25	CẦU CỐNG LỖ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	2,800
26	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		9,600
27	CHẤN HUNG	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGHĨA HOÀ NÓI DÀI	3,600
28	CHÂU VĨNH TẾ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
29	CHÍ CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		3,600
30	CHÍ LINH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	3,600
31	CHỮ ĐỒNG TỬ	BÀNH VĂN TRÂN	VĂN CÔI	3,600
32	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	LĂNG CHA CẢ	12,500
33	CỬU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THỂ	5,500
34	CÙ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	4,800
35	DÂN TRÍ	NGHĨA HOÀ	KHAI TRÍ	3,600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
36	ĐỌC BỜ KÊNH NHIÊU LỘC	NGÃ BA ĐƯỜNG LÊ BÌNH, ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN VÀ QUẬN 3	5,000
37	DƯƠNG VĂN NGA	NGUYỄN BẠC	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	5,500
38	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	4,000
39	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	3,600
40	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỦ ĐÔNG TỬ	3,600
41	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	4,800
42	ĐỒ SƠN	THĂNG LONG	HÈM SỐ 6 HẢI VÂN	4,800
43	ĐÔNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	4,800
44	ĐÔNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	5,500
45	ĐÔNG ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		4,800
46	ĐÔNG SƠN	VÂN CÔI	BA GIA	4,000
47	ĐỒNG XOÀI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THÁM	5,000
48	ĐÌNH ĐIỀN	DƯƠNG VĂN NGA	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	4,800
49	ĐƯỜNG A4	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	6,000
50	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		4,800
51	ĐƯỜNG KẾ XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH	ÂU CƠ	VƯỜN LAN	3,600
52	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	5,500
53	ĐƯỜNG 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	4,000
54	ĐƯỜNG B1	THÂN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG 12	4,800
55	ĐƯỜNG C1	CỘNG HOÀ	NGUYỄN QUANG BÍCH	4,800
56	ĐƯỜNG C12	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG B1	4,800
57	ĐƯỜNG C18	CỘNG HOÀ	NGUYỄN THÁI BÌNH	4,800
58	ĐƯỜNG C2	NGUYỄN QUANG BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
59	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	4,800
60	ĐƯỜNG C27	ĐƯỜNG A4	NGUYỄN BÁ TUYẾN (C29)	4,800
61	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIỂN LÊ	4,800
62	ĐƯỜNG D50	NGUYỄN MINH HOÀNG (C25)	CỘNG HOÀ	4,800
63	ĐƯỜNG D51	ĐƯỜNG C20	NGUYỄN THÁI BÌNH	4,800
64	ĐƯỜNG D52	ĐƯỜNG D50	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
65	ĐƯỜNG HÔNG TRƯỜNG MÂM NON 10	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG MÂM NON 10	NI SƯ HUỲNH LIÊN	3,000
66	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	NHÀ SỐ 130/9 PHẠM VĂN HAI	6,000
67	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
68	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
69	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
70	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
71	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
72	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
73	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG HÔNG TRƯỜNG MÂM NON 10	3,000
74	ĐƯỜNG TỔ 46-P10	HÔNG LẠC	ĐƯỜNG SỐ 1	3,000
75	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG MÂM NON 10	HÔNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	3,000
76	ĐỒNG ĐÀ	CỬU LONG	TIỀN GIANG	5,500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
77	GIẢI PHÓNG	THẮNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
78	GỖ CÂM ĐỆM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN ĐANG	3,000
79	HẬU GIANG	THẮNG LONG	TRƯỜNG SƠN	5,500
80	HÀ BÁ TƯỜNG	TRƯỜNG CHÍNH	LÊ LAI	4,800
81	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THẾ	5,500
82	HIỆP NHẤT	HOÀ HIỆP	NHÀ SỐ 1024 HIỆP NHẤT	4,000
83	HỒNG HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		6,400
84	HỒNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	ÂU CỐ	4,800
85	HỒNG LẠC (HƯỚNG LỘ 2)	ÂU CỐ	KÊNH ĐỒNG ĐEN	4,800
86	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	CÔNG LỖ	2,800
87	HOÀNG HOA THÁM	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	7,000
		CỘNG HOÀ	RANH SÂN BAY	5,500
88	HOÀNG KẾ VIÊM (C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
89	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BẢY HIỀN	11,200
90	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	8,000
91	HÙNG HOÁ	CHẤN HÙNG	NGÃ 3 THÁNH GIA	3,600
92	HOÀ HIỆP	HIỆP NHẤT	NHÀ 1253 HOÀ HIỆP	3,600
93	HUYNH TỊNH CỬA	SƠN HÙNG	NGUYỄN TỬ NHA	4,800
94	HUYNH VĂN NGHỆ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	1,700
95	KHAI QUANG	CHỢ NAM HOÀ	ĐẤT THÁNH	3,600
96	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	3,600
97	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CỐ	8,000
98	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HỒNG HÀ	5,500
99	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		6,000
100	LÊ DUY NHUẬN (C28)	ĐƯỜNG C19	ĐƯỜNG A4	4,800
101	LÊ LAI	TRƯỜNG CHÍNH	HÈM 291 TRƯỜNG CHÍNH	4,000
102	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHÍNH	HÈM 11 LÊ LAI	4,000
103	LÊ MINH XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	7,000
		LÝ THƯỜNG KIỆT	VÂN CÔI	4,000
104	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHÍNH	NGUYỄN TỬ NHA	4,800
105	LÊ TÂN QUỐC	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	4,800
106	LÊ TRUNG NGHĨA (C26)	C13	HOÀNG HOA THÁM	4,800
107	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG B1	4,800
108	LÊ VĂN SỸ	LÃNG CHA CẢ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	9,800
109	LỘC HÙNG	CHẤN HÙNG	NGÃ 3 NHÀ THỜ LỘC HÙNG	3,200
110	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HOÀ	3,600
111	LONG HÙNG	BẾN CÁT	BA GIA	4,000
112	LƯU NHÂN CHÚ	PHẠM VĂN HAI	HÈM 98 CÁCH MẠNG THÁNG 8	3,200
113	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 4 BẢY HIỀN	RANH QUẬN 10	11,200
114	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	4,800
115	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		4,800
116	NGHĨA HÙNG	HÈM TỎ 36	HÈM TỎ 28	3,600
117	NGHĨA HOÀ	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	3,600
118	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẾN CÁT	4,700
		BẾN CÁT	BÀNH VĂN TRÂN	4,800
119	NGÔ BỆ	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG B1	4,800
120	NGỰ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		5,500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
121	NGUYỄN BẠC	PHẠM VĂN HAI	DƯỜNG VĂN NGA	6,000
122	NGUYỄN BÁ TÔNG	TRƯỜNG CHINH	SƠN HÙNG	4,800
123	NGUYỄN BÁ TUYÊN (C29)	C25	C28	4,800
124	NGUYỄN CẢNH DỊ	THẮNG LONG	NGUYỄN VĂN MAI	4,800
125	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DƯ	ĐƯỜNG C2	4,800
126	NGUYỄN HIẾN LÊ	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	4,800
127	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	6,000
128	NGUYỄN MINH HOÀNG (C25)	HOÀNG HOA THÁM	QUÁCH VĂN TUẤN	4,800
129	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	4,800
130	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHINH	KÊNH HY VỌNG	2,800
131	NGUYỄN QUANG BÍCH(B4)	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	4,800
132	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	2,800
133	NGUYỄN THANH TUYỀN	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	HÈM 500 PHẠM VĂN HAI	5,500
134	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	6,400
135	NGUYỄN THẾ LỘC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	4,800
136	NGUYỄN THỊ NHỎ	ÂU CƠ	THIÊN PHƯỚC	5,500
137	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VĂN CÔI	4,800
138	NGUYỄN TRỌNG LỢI	HẬU GIANG	HÈM 27/10 NGUYỄN VĂN VĨNH	4,800
139	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	HÈM 413 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	7,200
140	NGUYỄN VĂN MAI	SỐ 1 TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	4,800
141	NGUYỄN VĂN TRÔI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	11,200
142	NGUYỄN VĂN VĨ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
143	NGUYỄN VĂN VĨNH	HÈM 27 HẬU GIANG	THẮNG LONG	4,800
144	NHẤT CHI MAI	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG C12	4,800
145	NI SƯ HUỶNH LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		4,800
146	NÚI THÀNH	ÁP BẮC	CỘNG HOÀ	5,000
147	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	4,000
148	PHẠM HỒNG THÁI	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	5,500
149	PHẠM PHÚ THỨ	HÈM 1017/6 LẠC LONG QUẬN	ĐỒNG ĐEN	4,800
150	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	3,100
151	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	7,900
		LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	6,000
152	PHAN BÁ PHIÊN	ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	4,800
153	PHAN HUY ÍCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	2,300
154	PHAN ĐÌNH GIÓT	PHỔ QUANG	TRƯỜNG SƠN	7,000
155	PHAN SÀO NAM	BÀU CÁT	HỒNG LẠC	4,800
156	PHAN THỨC DUYỆT	THẮNG LONG	PHAN ĐÌNH GIÓT	4,800
157	PHAN VĂN LÂU	ĐỎ SƠN	HÈM 61 THẮNG LONG	3,600
158	PHAN VĂN SỬU	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	4,800
159	PHỔ QUANG	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUÊ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	7,100
160	PHÚ HOÀ	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	4,000
		LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUẬN	7,000
161	PHÚ LỘC	BÀNH VĂN TRẦN	NHÀ SỐ 61/22	3,600
162	QUÁCH VĂN TUẤN	CỘNG HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
163	QUẢNG HIẾN	NĂM CHÂU	SƠN HÙNG	4,000
164	SÂM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		4,800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
165	SAO MAI	SỐ 147 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRÂN	3,600
		BÀNH VĂN TRÂN	NHÀ THỜ SAO MAI	3,000
166	SÔNG ĐÀ	TRƯỜNG SƠN	TRÀ KHÚC	5,500
167	SÔNG ĐÁY	TRỌN ĐƯỜNG		5,500
168	SÔNG NHUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		5,500
169	SÔNG THAO	LAM SƠN	ĐÔNG ĐA	5,500
170	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		5,500
171	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		4,800
172	SƠN HƯNG	HUỶNH TỊNH CỬA	NGUYỄN BÁ TÔNG	4,000
		NGUYỄN BÁ TÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	4,800
173	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	LÊ VĂN SỸ	6,000
174	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	4,000
175	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	4,000
176	TÂN KỶ TÂN QUÍ	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHINH	4,800
177	TÂN HẢI	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	5,000
178	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	4,000
179	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	4,000
180	TÂN SƠN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		6,000
181	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	4,000
182	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	4,000
183	TÂN TIỀN	TÂN THỌ	ĐÔNG HỒ	7,000
184	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		3,000
185	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	2,400
186	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	4,000
187	TÁI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÂU	4,800
188	TÂN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐÔNG NAI	5,500
189	THÂN NHÂN TRUNG	CỘNG HOÀ	MAI LÃO BẠNG	4,800
190	THẮNG LONG	CỘNG HOÀ	GA HÀNG HOÁ SÂN BAY	4,800
191	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HÈM 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	4,000
192	THÉP MỚI	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THÁI BÌNH	4,800
193	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5,500
194	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIỆT	4,800
195	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HOÀ	ĐÔNG HỒ	4,000
196	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	5,500
197	TỔNG VĂN HÈN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN PHÚC CHU	2,400
198	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HÈM 384 CÁCH MẠNG THÁNG 8	4,000
199	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	4,000
200	TỬ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	3,600
201	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHINH	BÀU CÁT	4,800
202	TRẦN QUỐC HOÀN	LÃNG CHA CẢ	VÀO CÔNG SÂN BAY	9,800
203	TRẦN THÁI TÔNG	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	2,800
204	TRẦN THÁNH TÔNG	HUỶNH VĂN NGHỆ	CÔNG LỖ	2,800
205	TRẦN TRIỆU LUẬT	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	6,000
206	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HOÀ	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	4,800
207	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		3,600
208	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	4,800
209	TRÀ KHÚC	TRƯỜNG SƠN	NHÀ SỐ 17 TRÀ KHÚC	5,500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
210	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	6,000
211	TRƯỜNG HOÀNG THANH	NGUYỄN THÁI BÌNH	ĐƯỜNG C19	4,800
212	TRƯỜNG CHINH	NGÃ 4 BẢY HIỀN	NGÃ 3 BÀ QUỆO	8,400
		NGÃ 3 BÀ QUỆO	CẦU THAM LƯƠNG	7,000
213	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		11,200
214	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	4,800
215	ÚT TỊCH	CỘNG HOÀ	LÊ BÌNH	6,000
216	VÂN CÔI	BÀNH VÂN TRÂN	NGHĨA PHÁT	4,000
217	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	ĐƯỜNG C2	4,800
218	VEN TƯỜNG RÀO SÂN BAY	TRỌN ĐƯỜNG		2,400
219	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIẾT	HỒNG LẠC	4,800
220	VƯỜN LAN	HỒNG LẠC	ĐƯỜNG HỒNG TRƯỜNG MÂM NON 10	4,800
221	XUÂN DIỆU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	8,000
222	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHINH	XUÂN DIỆU	8,000
223	YÊN THỂ	TƯỜNG RÀO QUÂN ĐỘI	HỒNG HÀ	5,000
		HỒNG HÀ	KÊNH NHẬT BẢN	5,000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ